

SAFETY JOGGER PROFESSIONAL

Medium

ELA 01

Sneaker th ể **thao sành** điệu **cho nàng**

Giày th ể thao ELA hấ[illegible] gạo ệ ESD, đế giày có th i, ể thiết bằ g mút hà[illegible] g, g th ế và độ bám t u yệ t i, khiế nên hoàn hảo cho [illegible] môi khác nhau.

Những vật liệu cao cấp hơn	Lorica
lót bên trong / i tái chế lướ	
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài Đ	PU/Cao su
i Loạ	01 / SR, FO, HRO, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng t thép	0.328 kg
ẩn hóu chu	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024

CE · ESD · EXCLUSIVE LORICA · OXYGRIP · NESKRID

CO_2 5.76 kg



LIC



FUX



LBL



LGR



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa nguy cơ gây ra hỏa hoạn do tích điện. Điện trở nằm trong khoảng từ 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



ường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng **lót** giày thường xuyên bằng **lót** giày chỉnh hình riêng, giúp thoả



T
ấm **lót chân** chống tĩnh điện có thể tháo rời
văn, dẫn hướng và hấp thụ sốc
SJ BỌ
ót chân và bàn chân. Thoáng khí và hút ẩm.

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sốcupốẩm m &gĐthuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
rư ờn môigkhô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phải cáphù hằnh iệg Khôngtrên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Lorica** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ntấmớch ơ	? 0.8		1.8	ời	mg/cm/g
	Top: hi nụệ sốch ơ	? 15		17.3		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ó					
	L ớp lót: ntấmớch ơ	? 2		21.45	ời	mg/cm/g
	lót: hi nụệ sốch ơ	? 20		172		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân Đch ố n g mài mòn (khô/ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**PU/Cao su**					
	Ch ố ảng mài mòn ế ngoài (	? 150		81		mm
	Chư ố ợt trc gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31		0.37		ma sát
rư	Cột cố ợt bảng - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36		0.39		ma sát
rư	Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19		0.26		ma sát
	Chư ố ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22		0.31		ma sát
rị ch ố	Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		0.32		megaohm
rị ESD	Giá t	0.1 - 100		97.4		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân ủ	? 20		38		J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Giày này có thể thay đổi và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		3.50		kg
	Bao bì		0.10		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			5.76 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	Đ ờn g q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		13%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán tiên tiến và có thể thay đổi.